

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 28-07-2020
V/v ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;
2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Út Nhỏ -Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đoàn Thị M**, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Long An; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Minh Q**, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp P, xã K, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đoàn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh Q tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Long An vào năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, anh Q thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị và anh Q tự

thỏa thuận ly hôn từ năm 2012, không đến Tòa án, anh Q sống tại huyện B, tỉnh Tây Ninh. Chị đăng ký hộ khẩu thường trú tại Long An nhưng làm mướn ở đâu thì thuê nhà ở đó. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q 04 con chung là:

Nguyễn Quốc V sinh ngày 09/7/2002;

Nguyễn Quốc N, sinh ngày 18/4/2005;

Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 03/4/2007;

Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 18/3/2010.

Chị yêu cầu được nuôi 04 con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Minh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

Chị Đoàn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Nguyễn Minh Q được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV) đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị M, chị Đoàn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh Q.

Về con chung: Giao chị Đoàn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 04 cháu:

Nguyễn Quốc V sinh ngày 09/7/2002;

Nguyễn Quốc N, sinh ngày 18/4/2005;

Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 03/4/2007;

Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 18/3/2010.

Ghi nhận chị Đoàn Thị M tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Minh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đoàn Thị M chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Minh Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị M và anh Nguyễn Minh Q chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2009, hôn nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Chị M yêu cầu được ly hôn với anh Q với lý do: Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc từ năm 2012, do anh Q không quan tâm, chăm sóc gia đình. Xét thấy cuộc sống vợ chồng chị M và anh Q đã không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Q thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm sóc gia đình phù hợp với các chứng cứ thu thập được tại địa phương. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị M, chị Đoàn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh Q.

[3] Về con chung: Hiện nay, chị Đoàn Thị M đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 04 con chung của chị M và anh Q. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận. Ghi nhận M tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV).

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV):

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị M, chị Đoàn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 04 con chung:

Nguyễn Quốc V sinh ngày 09/7/2002;

Nguyễn Quốc N, sinh ngày 18/4/2005;

Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 03/4/2007;

Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 18/3/2010.

Ghi nhận chị Đoàn Thị M tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Minh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Minh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Đoàn Thị M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Nguyễn Minh Q không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị M chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do chị M đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007203 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Q vắng mặt nên thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Phòng KTrNV-THA, TANDTTN;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (O).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh –Đã ký

